CÁI NHÌN THẨM MỸ TRONG TRANH DÂN GIAN VIỆT NAM

PHAN THỊ THANH MAI

Với nền văn minh nông nghiệp lúa nước, hầu hết dân chúng sống ở làng quê, và họ đầu tắt mặt tối lo cho cuộc sống thường ngày với cái ăn, nơi ở và đồ mặc. Thế nhưng, những người dân ấy lại giàu về văn hóa dân tộc, ai cũng thuộc ca dao, bà mẹ nào cũng biết hát ru. Khi lao động mặc đồ nâu xồng đầm thắm, vào ngày hội ai cũng mặc bộ trang phục dân tộc "đẹp như tiên". Nhà ở phần lớn bằng tranh tre, nứa lá.

Cuộc sống nghèo vật chất nhưng giàu tâm hồn đã tạo cho người dân Việt Nam cái thẩm mỹ tạo hình được chắt lọc đến tinh giản. Họ tập trung vun vén cho cộng đồng làng xã, nền văn hóa có tính chất nghệ thuật cao, đó là đình chùa, lăng miếu. Làng quê nào cũng có đình, chùa, đền thờ mà trong đó có cả một kho báu về điêu khắc tượng tròn và chạm khắc trang trí. Bên cạnh đó, với những thứ nghệ thuật không tốn tiền, họ tìm cách phổ cập đến từng gia đình, đó là tranh tết mà ngày nay chúng ta quen gọi là tranh dân gian.

Tranh dân gian có lịch sử rất lâu đời, nó gắn với kỹ thuật in ván, khắc gỗ và phong tục chơi tranh ngày tết của nhân dân ta. Nhiều tư liệu cho biết từ thời Lý, nhân dân ta đã biết khắc ván gỗ để in sách. Cuối thời Trần đã in được trên giấy với những hình rồng, phượng, rong, rêu có thể xem là những bức tranh. Trong dân chúng đã có người khắc được gỗ để in tiền giả. Đến thời Mạc, tranh tết đã phổ biến trong các gia đình như Hoàng Sĩ Khải tả trong bài: "Tứ thời khúc vịnh" có các tranh ông tượng canh cửa, tranh gà lợn, tranh tố nữ v.v... Ở thời Lê Trung Hưng, tranh tết của dân gian vào cả cung đình của vua chúa. Thời Nguyễn còn để lại một số ván gỗ khắc với niên đại Minh Mệnh 4, tức năm 1823. Và trong lớp người hoạ niên ngày nay đều đã có tuổi thơ đó, từng hối thúc mẹ đi chợ cuối năm mua bằng được mấy tờ tranh tết. Ngày nay, những tờ tranh ấy tuy không được phổ biến như trước, nhưng đang có vị trí trang trọng trong các viện bảo tàng và luôn được khách quốc tế vồn vã.

Nghi chân bên đôi (35x50cm)

Như vậy rõ ràng tranh tết - tranh dân gian phải hàm chứa những giá trị cao về nghệ thuật để chiếm lĩnh tâm tưởng và thẩm mỹ của nhân dân. Chính vì thế, nó mới tồn tại hợp lý cả nghìn năm. Và việc chơi tranh tết trở thành một phong tục đẹp của nhân dân ta.

Tranh dân gian phổ biến nhất là tranh điệp Đông Hồ (Hà Bắc), sau đó là tranh đỏ Kim Hoàng (Hà Tây) và tranh Hàng Trống (Hà Nội). Vùng Huế và Nam Bộ còn có một loại tranh đồ thế, cũng là tranh dân gian. Song với tính chất là một vật thế mạng dùng trong cúng lễ, sau đó đốt (hóa mã), chứ không để trang trí trong nhà hoặc để đón xuân ngày tết.

Tranh điệp Đông Hồ và tranh đỏ Kim Hoàng đều là loại tranh có kích cỡ vừa và nhỏ, được sản xuất ở làng quê, rất hợp với những căn nhà vừa phải, bằng tranh tre hoặc tường gỗ giản dị của bà con nông dân.

Gọi tranh điệp vì nền tranh là cả một bầu trời sáng trắng xôm xốp với muôn vàn vì sao là những hạt điệp li ti lấp lánh. Có khi nền tranh ấy lại lướt thêm sắc vàng chanh của nước hoa hòe hay sắc đỏ cam của nước gỗ vang tạo sự sang trọng và hiển vinh. Chỉ những mảng màu nền thế thôi, ánh sáng như đã ùa vào nhà với cả bầu trời lồng lộng, làm cho không khí trong nhà rạng bừng lên và ấm áp, như làm cho sự sống cũng hồi sinh và nảy nở. Cái đẹp được bộc lộ của tranh dân gian là kỹ thuật phối màu, đặt màu trên nền điệp ấy, sao cho các mảng màu như xanh chàm, son sỏi, trắng điệp, vàng hoe, đỏ cam và cả đen than lá tre in cạnh nhau hoặc in chồng màu, làm cho bảng màu giàu đẹp và qúi giá hẳn lên. Nói một cách khác là làm cho bảng màu trên nền điệp ấy cứ như nhảy múa trong một trật tự của tạo hình và bố cục chắc, khỏe, khiến cho những hình tạo được vốn ổn định mà cứ như tung tăng. Tung tăng nhưng ổn định trong bố cục tranh dân gian là do nét đen đơn tuyến bao lại quanh những màu sắc tươi rói, được in sau cùng nên rõ ràng và cứ như níu kéo đằm xuống.

Tranh đỏ Kim Hoàng chủ yếu ở xứ Đoài, gần kinh thành nhưng là miền đất cổ chân chất. Nền tranh màu hồng điều, khi căng dán trên nền tường, căn phòng thấy như ấm áp hẳn lên hòa sắc với hoa trái ngoài vườn và mâm ngũ qủa trên bàn thờ cùng với màu quần áo mới của mọi người. Trên nền sáng ấy, các mảng sáng khác to bẹt được vờn thêm mấy nét vẽ nữa, tạo cho hình có độ căng, lại có nét đen bao quanh rõ ràng, nên hình ảnh trong tranh cứ như muốn nhảy ra khỏi mặt giấy để nhập vào cuộc sống gia đình.

Vẻ đặc biệt trong quan niệm thẩm mỹ ở tranh Đông Hồ và tranh đỏ Kim Hoàng là nét đen viền hình bao giờ cũng mập mạp, rõ ràng. Có khi là viền hình theo lối "đơn tuyến bình đồ", có khi lại viền bao lấy từng mảng màu rõ ràng đến phân minh. Các hình đã ổn định ở dạng chung, lại nổi rõ ở chi tiết. Nhưng những tờ tranh này theo một phong cách thể hiện khác cũng có thể không có khung hình; không gian của tờ tranh được kéo ra cả mảng tường trở thành vô hạn, thâm nhập vào không gian nội thất. Một số bức khác lại có khung hình chữ nhật viền quanh, tạo một mảnh đất cụ thể cho các nhân vật hoạt động mà ở đó, các hình chen chúc nhau, dồn tụ đông đặc, nó bức bối như muốn phá bỏ cái vỏ bọc để được tự do tung tẩy. Chẳng hạn các tranh Gà đàn, Lợn độc. Rước trống, Đánh vật, Đánh ghen, Hứng dừa... Có khung hình đấy, nhưng màu nền vẫn vượt ra ngoài, choán cả mặt giấy; cái đóng ở đây lại cũng là sự chuẩn bị cho cái mở.

Tranh Hàng Trống khổ rộng, những loại tranh tiêu biểu như Tố nữ, Tam đa, Thất đồng, Lý ngư vọng nguyệt. Thiên hạ thái bình (chim công), Tứ qúi... đều được treo dọc có trục kéo căng, chiếm cả mảng tường, phù hợp với những căn nhà gỗ của thị dân và tầng lớp khá giả ở nông thôn. Trên nền sáng dịu, hình được dựa trên cơ sở nét in mảnh và thanh, được tô màu phẩm bằng tay vờn theo những sắc độ khác nhau. Mảng nào cũng rực rỡ lại gợi được khối, tạo hình rất vững, nhưng tranh vẫn giữ được vẻ phong nhã. Phòng khách có tờ tranh Hàng Trống đã khéo léo

gợi được thị hiếu thẩm mỹ tinh tường của chủ nhà, lại rất hấp dẫn khách.

Tranh dân gian Việt Nam dù in cả màu và nét hay chỉ in nét còn màu tô tay thì cũng đều là sản phẩm nghệ thuật của các nghệ nhân được tinh đúc kinh nghiệm qua nhiều thế hệ, họ đã chắt lọc được những điển hình sinh hoạt xã hội để tái tạo vào tranh theo lối dân gian của dân tộc.

Những nghệ nhân dân gian không được đào tạo ở trường qui mà trưởng thành từ thực tế làm nghề. Họ không bị ràng buộc theo qui tắc nào, trái lại họ được tự do sáng tác theo sự thôi thúc của tình cảm. Cái trường học thực tế ấy giúp nghệ nhân nắm bắt được "cái duyên" của nhân vật và cái "thần" của sự vật, do đó các hình ảnh được vẽ ra là sự "truyền được thần", thoát khỏi cái lạnh lùng ở trạng thái tự nhiên. Và đó chính là thẩm mỹ, là phạm trù cái đẹp của mỹ học.

Tất cả các cư dân nông nghiệp đều bị chi phối bởi triết lý "phồn thực". Triết lý "nông nghiệp" này với nội dung mang tính ước vọng: "đông con nhiều cháu, lúa bắp chật nương, lợn gà chật chuồng, trâu bò đầy bãi". Tranh dân gian Việt Nam đều chứa đựng trong đó triết lý "phồn thực".

Những điều trên có thể thấy ở bất cứ tờ tranh dân gian truyền thống nào. Chúng ta hãy chiêm nghiệm vài tờ tranh sau để làm thí dụ:

Trước hết là tranh Lợn đàn trong loạt tranh điệp Đông Hồ, thuộc loại tranh phổ biến nhất mà xưa kia vào dịp đón xuân, gần như gia đình nông dân nào cũng mua về dán ở trong nhà, ngoài hiên hoặc trước cửa chuồng lợn. Nó là biểu tượng của hạnh phúc gia đình, mẹ con xum họp, là dấu hiệu của sự no đủ, dư thừa và chăn nuôi thuận lợi. Chỉ có sự đồng cảm với tư duy nông dân chân chất và hồn hậu, mới nhận thấy sự tinh tế ấy. Bố cục của bức tranh cả mẹ và con đều ở thế nhìn nghiêng cùng một góc độ, có thể phóng to con thành mẹ, song được đặt theo những thế khác nhau nên vui mắt, không đơn điệu. Đông vui và động rộn, tạo cảm giác như có tiếng ủn ỉn. Những con lợn nhìn ngang được thể hiện rõ ràng từ đầu đến đuôi, nhưng cái mõm lại xoay ra nhìn đằng trước đầy đặn như bông hoa, cùng cái mũi chum chum và hàm răng trắng nhe hờ như đang mỉm cười. Dáng hình đúng như sách Trư Kinh dạy kinh nghiệm tìm lợn giống tốt phải có: "lưng đai, bụng bị, bốn khoáy đóng chuồng". Những quý tướng ấy được nhấn mạnh bằng vệt màu dọc sống lưng là dải lông mọc ngược thành đai; cũng thế, một dải màu khác ở dưới bụng tạo thành bụng bị bùng nhùng xôm xốp. Còn những cặp khoáy ở sườn và mông là vòng tròn lưỡng nghi với 2 yếu tố âm dương quyện nhau, biểu hiện ý nghĩa phồn thực về sự sinh sôi nảy nở. Những con lợn no tròn ấy như dửng dưng với chậu cám và cây khoai. Trên

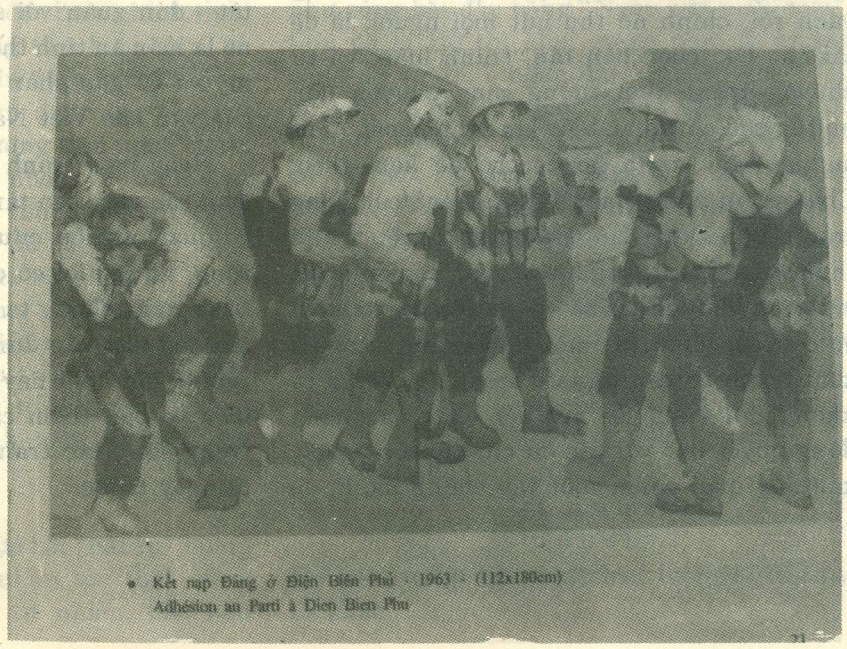

• Kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ - 1963 - (112x180cm)
Adhésion au Parti à Dien Bien Phu

nền giấy do quét điệp mịn như lụa, lại lấp lánh ánh sáng cả khối lợn mẹ con quây lại đông đặc, mỗi con một màu, mảng bẹt mà xôm xốp như có khối. Toàn bộ bố cục không cần khung nên cảm thấy không gian được mở ra vô hạn.

Bức tranh Lợn độc, về cơ bản vẫn giống lợn mẹ ở bức tranh trên, vẫn những qúi tướng và góc nhìn ngang, song cái "miệng gầu dai, phàm ăn chóng lớn" đang ngoạm ngang thân một cây lá dáy mọc trên mô đất, mắt mở to, sáng trắng những dải lông dày và đường nét to, đậm, biểu hiện một sự già dặn và xông xáo. Ở đây giữa không gian tự nhiên, toàn hình bố cục được đóng khung lại, sát lưng và mông lợn, cái chật chội của khung hình ấy gợi sự tăng trưởng nhanh của con vật, nó muốn phá đi để bung ra không gian cả nền giấy. Lợn độc trên tranh đỏ Kim Hoàng là cả một màu đen trùng trục căng tròn, không có những qúi tướng theo Trư Kinh, song những nếp chảy trên thân, những chi tiết tạo nên tai - mắt - mũi bởi mấy vạch trắng lại cứ đông đặc. Hình lợn trên tranh đã từ lợn thực mà cách điệu, không giống y hệt mà lại sống động, vui mắt, đặt giữa không gian rộng lớn mà cứ nổi cộm, căng tròn...

Những tờ tranh dân gian khác cũng chung những giá trị thẩm mỹ ấy. Khi treo lên tường vách rồi, chính nó thu hút mọi người, là đề tài cho bao cuộc bàn tán, tranh luận, và từ chuyện tranh liên tưởng sang chuyện đời, những câu chuyện cứ lây lan sảng khoái, nhất là khi trên tranh lại có thơ đề kèm theo. Chẳng hạn bức tranh "Đánh ghen" của dòng tranh điệp Đông Hồ, không gian trên tranh thuộc gia cảnh trung lưu. Tranh có bốn nhân vật: ông chồng, hai bà vợ và đứa con trai bà vợ cả. Mỗi nhân vật một tâm trạng và người xem tranh tự tìm mình ở trong ấy. Bà vợ cả không nói bằng lời mà nói bằng các hành động quyết liệt với các cử chỉ búi tóc ngược, xắn váy quai cồng, một tay chống nạnh, và một tay giơ cao kéo xòe rộng 2 lưỡi. Ông chồng vừa ôm vợ hai, vừa can khéo vợ cả:

"Thôi thôi bớt giận làm lành
Chi điều sinh sự khổ mình nhục ta"

Cô vợ hai với ưu thế trẻ hơn đẹp hơn được chồng che chở, toàn thân cong cớn thách thức:

"Măng non nấu với gà đồng
Thử chơi một trận xem chồng về ai"

hoặc:

"Trăm quan tiền tốt bó mo
Làm tờ ký chỉ chị cho chuộc chồng"

còn đứa bé thì hòa giải:

"Mẹ về tắm mát nghỉ ngơi
Ham thanh chuộng lạ mặc thầy tôi với dì"

Cảnh ngộ trên tranh dở khóc dở cười, song cảnh xem tranh lại rộn rã những tiếng cười thoải mái và từng người có thể rút ra những ứng xử thích hợp cho mình.

Chưa nói về nội dung tranh gắn với xã hội tâm linh và xã hội đời thường mà ai nấy cũng đều quan tâm. Chỉ ở mặt thẩm mỹ, những tờ tranh tết, tranh dân gian truyền thống, cả màu và nét, bố cục toàn thể và từng hình riêng được đặt vào không gian là những căn nhà đơn sơ, giản dị của một xã hội lấy nông nghiệp làm gốc, và đặt vào thời gian mừng tết - đón xuân với sự hồi sinh của vạn vật, nó là món ăn tinh thần của thưởng thức thẩm mỹ và đã góp phần tạo nên bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam.

Ngày nay, tranh dân gian phần lớn được để ở các viện bảo tàng và kho tư liệu của các cơ quan nghiên cứu, nó không tồn tại ở bề rộng, nhưng lại có chiều sâu thăm thẳm, và từ đấy cho chúng ta chẳng những hiểu xã hội xưa mà còn vận dụng những bài học của nó vào xã hội hôm nay. Đồng thời nó đã cho ta hiểu và biết thêm cách nhìn nhận thẩm mỹ trong sáng tác tranh dân gian của cha ông ta ngày trước.